

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma

Môn học: PĀLI PHÁP CÚ

Bài học ngày 28.4.2022

I. Phẩm Song Đối _ Kệ số 9&10

Duyên sự:

Hai bài kệ số 9 và số 10 này được đức Phật thuyết ở Sāvatti khi Ngài trú tại chùa Jetavana, do câu chuyện của tỳ kheo Devadatta mặc y cà sa bất xứng.

Thuở ấy, tỳ kheo Devadatta sống tại Rājagaha, là kẻ có tham vọng xấu xa, đã làm nhiều điều tội lỗi, như xúi giục thái tử Ajātasattu giết vua cha để soán ngôi và làm hậu thuẫn cho ông ta, mượn thuộc hạ của vua hành thích đức Phật, chia rẽ Tăng ... Devadatta cũng có nhóm cư sĩ ác ở Rājagaha ủng hộ.

Một ngày kia, nhân dịp tôn giả Sāriputta với đoàn tỳ kheo tùy tùng du hành ghé lại Rājagaha. Các thiện cư sĩ thỉnh Tôn giả thuyết pháp và hợp nhau cúng dường trai tăng mỗi ngày. Có vị trưởng giả hùn phước một xấp vải thượng hạng. Những cư sĩ thân quen với tỳ kheo Devadatta đã giành lấy xấp vải tốt ấy cúng cho tỳ kheo Devadatta.

Nhận được xấp vải quý giá, Devadatta đã may nhuộm thành bộ y cà sa rồi mặc y mới ấy đi tới đi lui ra chiều đắc ý.

Những thánh cư sĩ đến chùa thấy chướng mắt bèn phê phán: Tỳ kheo Devadatta không xứng mặc bộ y cà sa này, lẽ ra phải là vị thượng thủ thỉnh văn Sāriputta mặc mới xứng.

Rồi một vị tỳ kheo rời Rājagaha du hành đến Sāvatti đánh lễ bậc Đạo Sư. Đức Thế Tôn thăm hỏi việc ở Rājagaha, vị tỳ kheo ấy đã kể lại việc Tôn giả Sāriputta đến Rājagaha thuyết pháp, các cư sĩ cúng dường trai Tăng, và Devadatta nhận được y cà sa quý giá mặc y mới bị mọi người phê phán là không xứng...

Nhân sự kiện này, đức Phật đã dạy rằng không phải chỉ nay mà trong kiếp quá khứ Devadatta cũng đã mặc y cà sa không xứng rồi.

Câu chuyện quá khứ, tiền thân Devadatta là một thợ săn chuyên giết voi lấy ngà.

Để tiếp cận được với bầy voi rừng, gã thợ săn tìm hiểu kỹ đặc tính sinh hoạt của chúng. Biết được bầy voi rừng quen thuộc và thân thiện với màu sắc y cà sa của các vị ẩn sĩ độc giác tĩnh tọa, chúng đến gần và biểu hiện sự kính trọng mới đi kiếm ăn. Gã thợ săn rình trộm chiếc y cà sa của một vị Độc giác lúc vị ấy máng y trên nhánh cây xuống hồ tắm. Hắn đắp chiếc y cà sa lên người, dấu kín mũi lao trong y vàng, và ngồi mai phục chỗ con đường bầy voi đi qua, chờ hạ sát con voi đi sau cùng.

Bằng cách này, gã thợ săn đã giết nhiều con voi.

Con voi đầu đàn thấy số lượng đàn voi càng ngày càng sút giảm, nó suy xét nguyên nhân và sanh nghi kẻ sát hại.

Voi chúa bèn để đàn đi trước và nó lùi lại đi sau cuối với sự cảnh giác. Gã thợ săn theo thói quen phóng lao hạ sát con voi cuối đàn. Voi chúa tránh được mũi lao rồi chạy tới tấn công gã thợ săn, dùng vòi bắt được gã. Nhưng khi nhắc lên định ném xuống để giết gã thợ săn, bắt chợt voi chúa nhìn sắc y vàng trên người gã thợ săn, dần tâm, đặt hắn xuống đất. Voi chúa đọc lên hai bài kệ để khiển trách gã thợ săn.

Ai mặc áo cà sa
tâm chưa sạch bợn nhơ
không tự điều thành thật
chẳng xứng mặc cà sa.

Ai đã tẩy bợn nhơ
khéo nghiêm trì giới hạnh
sống từ điều thành thật
mới xứng mặc cà sa.

Khiến trách xong, voi chúa bỏ đi vào rừng.

Rồi đức Thế Tôn nói lên hai bài kệ này làm đề tài pháp thoại. Vị tỳ kheo khách tăng nghe xong đã chứng quả dự lưu.

*

Chánh văn: **Anikkasāvo kāsāvaṃ**
yo vatthaṃ paridahessati
apeto damasaccena
no so kāsāvamarahati.

(dhp 9)

Yo ca vantakasāv’assa
sīlesu susamāhito
upeto damasaccena
sa ve kāsāvamarahati.

(dhp 10)

*

Thích văn:

anikkasāvo [chủ cách số ít của tính từ hợp thể **anikkasāva** (na + nikkasāva); **nikkasāva** (ni + kasāva)] chưa sạch bợn nhơ, chưa hết uế trước, chưa trong sạch.

kāsāvaṃ [đối cách số ít của từ **kāsāva** (1) tính từ (1) danh từ trung tính] (1) được nhuộm màu vàng tối, có màu hoại sắc (2) y cà sa, huỳnh y, y phục của tu sĩ.

yo [chủ cách số ít của phiến chỉ đại từ **ya**] ai, người nào.

vatthaṃ [đối cách số ít của danh từ trung tính **vattha**] vải, y phục.

paridahessati [động từ vị lai ngôi III, số ít của **paridaheti** (pari + √dah + e)] khoác lên, đắp vào, vện mặc (y phục).

apeto [chủ cách số ít của apeta, quá khứ phân từ của động từ **apeta** (apa + √i + a)] đi khỏi, rời khỏi, vắng mặt, không có.

damasaccena [sử dụng cách số ít của hợp từ **damasacca** (*damena ca saccena ca*)] với sự điều phục và chân thật, với sự tự chế và thành tựu. **Apeto damasaccena:** không tự điều thành thật.

na [phủ định từ] không, chẳng, bất.

so [chủ cách số ít của chỉ thị đại từ **ta**] nó, người ấy.

kāsāvarahati [hợp âm **kāsāvam arahati**]

arahati [thì hiện tại ngôi III, số ít của động từ **arahati** (√ arah + a)] xứng đáng, tương xứng.

vantakasāv'assa [hợp âm **vantakasāvo assa**]

vantakasāvo [chủ cách số ít của danh từ hợp thể **kantakasāva** (vanta + kasāva)] người có ô nhiễm được đào thải, người đã tẩy sạch bợn nhơ.

assa [động từ khả năng cách, ngôi III, số ít của động từ căn (√as + a)] nó là, người ấy là. Ở đây dùng như một trợ động từ.

sīlesu [định sở cách số nhiều của danh từ trung tính **sīla**] những giới luật, các giới hạnh.

susamāhito [chủ cách số ít của tính từ **susamāhita** (su + samāhita _ quá khứ phân từ của động từ **samādahati**)] khéo định tĩnh, khéo tập trung, khéo nghiêm trì.

upeto [chủ cách số ít của **upeta**, quá khứ phân từ của động từ **upeti** (upa + √i +a)] đến gần, đi vào, gia nhập, thể hiện.

sa [do **so** đổi dạng. Chủ cách số ít của chỉ thị đại từ **ta**] nó, người ấy.

ve [bất biến từ] chắc chắn, quả thật, thật sự là.

*

Việt văn:

Ai mặc áo và sa
tâm chưa sạch bợn nhơ
không tự điều thành thật
chẳng xứng mặc cà sa.

(pc 9)

Ai đã tẩy bợn nhơ
khéo nghiêm trì giới hạnh
sống tự điều thành thật
mới xứng mặc cà sa.

(pc 10)

*

Chuyển văn:

Yo anikkasāvo damasaccena apeto kāsāvaṃ vatthaṃ paridabessati, so kāsāvaṃ na arahati.

Người mặc áo cà sa mà chưa sạch uế nhiễm, không điều phục và thành thật, người ấy không xứng mặc cà sa.

Yo ca vantakasāvo assa sīlesu susamāhito damasaccena upeto so ve kāsāvaṃ arahati.

Và, ai đã tẩy sạch nhiễm ô, nghiêm trì giới hạnh, sống điều phục, thành thật, người ấy mới thực sự xứng mặc cà sa.

*

Lý giải:

Chưa sạch bợn nhơ (*anikkasāvo*) là tâm còn ứ đầy phiền não tham, sân và si.

Không tự điều (*damena apeto*) là không điều phục, không kiểm soát được bản thân.

Không thành thật (*saccena apeto*) là giả dối, mưu mô, lừa gạt, lợi dụng lòng tin của người khác. Trong bài kệ số 9 voi chúa khiển trách gả thợ săn trộm y cà sa của vị ẩn sĩ độc giác để lừa bầy voi, đó là không thành thực.

Voi chúa đã khiển trách sở hành của gả thợ săn, và đức Phật đã dùng hai bài kệ này để làm đề tài pháp thoại.

Hai bài kệ pháp cú này cần hiểu ý nghĩa rộng rãi:

Y cāsa (*kāsāvavattha*) là vải mặc của người tu được nhuộm màu hoại sắc, màu sắc làm cho mất giá trị vật chất. Màu y cà sa là tượng trưng hạnh khước từ dục vọng. Do đó, y cà sa là sắc phục chỉ xứng hợp với những bậc cao thượng và những người hướng thượng.

Người cao thượng (*ariyapuggala*) là bậc thánh A la hán như đức Toàn giác, Độc giác và Thỉnh văn giác. Đó là những bậc đã sạch phiền não, đã tịnh hoá bản thân, đã kiểm soát được hành vi thân khẩu ý. Bậc cao thượng như vậy quả thật xứng mặc y cà sa.

Người hướng thượng là các bậc thánh hữu học (*sekhapuggala*) như bậc Dự lưu, bậc Nhất lai, bậc Bất lai là những vị đã đoạn trừ một số phiền não, vẫn còn đang tu tiến, nhưng chắc chắn sẽ đạt đến cứu cánh giải thoát. Các bậc hữu học cũng gọi là xứng mặc y cà sa.

Các hạng phàm nhân hiền thiện (*kalyānaputhujjana*) là những vị tỳ kheo sa di chưa đắc quả thánh nhưng đang tầm cầu giải thoát, sợ hãi luân hồi, có lòng tầm quý, tinh tấn tu tập thiện pháp... Đó cũng là người hướng thượng và có thể nói là xứng mặc y cà sa.

Biên soạn giáo trình: Tỳ kheo Tuệ Siêu